



Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2020



Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh/
Doanh nghiệp số**

0403000380
0800296853

ngày 25 tháng 1 năm 2006
ngày 10 tháng 5 năm 2013

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0800296853 ngày 1 tháng 4 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thủy
Ông Nguyễn Quang Quyền
Ông Lê Tuấn Hải
Ông Vũ Xuân Dũng

Ông Nguyễn Văn Quyền

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 30 tháng 3 năm 2020)
Thành viên
(đến ngày 30 tháng 3 năm 2020)

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Quang Huy
Ông Hồ Trung Thành
Hồ Trần Diệu Lynh

Trưởng ban Kiểm soát
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Vũ Xuân Dũng
Ông Nguyễn Văn Tuấn
Ông Nguyễn Hoàng Hải
Ông Nguyễn Văn Quyền

Phó Tổng Giám đốc
(từ ngày 1 tháng 4 năm 2020)
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 31 tháng 3 năm 2020)

**Người đại diện
theo pháp luật**

Ông Vũ Xuân Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Km 28 Quốc lộ 18
Phường Phả Lại
Thành phố Chí Linh
Tỉnh Hải Dương
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) Báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 44 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Xuân Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Hải Dương, ngày 22 tháng 2 năm 2021



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 22 tháng 2 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 44.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.




Ý kiến của kiểm toán viên

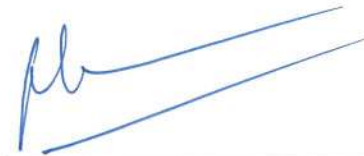
Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-01-00330-21-1




Trần Thị Lệ Hằng
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số N.3782-2017-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 2 năm 2021



Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		4.259.412.442.827	4.208.160.334.837
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	273.399.825.071	240.627.598.805
Tiền	111		23.399.825.071	10.627.598.805
Các khoản tương đương tiền	112		250.000.000.000	230.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.515.000.000.000	1.060.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	1.515.000.000.000	1.060.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.746.070.169.167	2.250.719.748.799
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.516.216.346.155	2.044.825.301.572
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	8.843.685.200	289.630.613
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9(a)	223.166.866.953	223.166.866.953
Phải thu ngắn hạn khác	136		1.014.765.493	637.592.407
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(3.171.494.634)	(18.199.642.746)
Hàng tồn kho	140	11(a)	696.960.373.839	656.780.325.397
Hàng tồn kho	141		792.156.224.450	752.372.744.952
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(95.195.850.611)	(95.592.419.555)
Tài sản ngắn hạn khác	150		27.982.074.750	32.661.836
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		641.851.756	32.661.836
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		27.340.222.994	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200	2.974.291.047.185	3.047.474.899.730
Các khoản phải thu dài hạn	210	140.000.000.000	175.000.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215 9(b)	140.000.000.000	175.000.000.000
Tài sản cố định	220	289.059.153.821	273.957.432.945
Tài sản cố định hữu hình	221 12	288.477.435.371	273.837.550.503
<i>Nguyên giá</i>	222	13.482.558.481.796	13.430.313.570.646
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223	(13.194.081.046.425)	(13.156.476.020.143)
Tài sản cố định vô hình	227 13	581.718.450	119.882.442
<i>Nguyên giá</i>	228	59.525.806.512	58.888.556.512
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229	(58.944.088.062)	(58.768.674.070)
Tài sản dở dang dài hạn	240	26.167.124.036	74.790.690.168
Xây dựng cơ bản dở dang	242 14	26.167.124.036	74.790.690.168
Đầu tư tài chính dài hạn	250 6(b)	2.477.244.782.187	2.481.054.458.979
Đầu tư vào công ty liên kết	252	1.451.055.770.150	1.451.055.770.150
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	1.084.843.117.400	1.084.843.117.400
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(58.654.105.363)	(54.844.428.571)
Tài sản dài hạn khác	260	41.819.987.141	42.672.317.638
Chi phí trả trước dài hạn	261	17.258.868.161	8.964.773.187
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	242.438.042	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263 11(b)	24.318.680.938	33.707.544.451
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	7.233.703.490.012	7.255.635.234.567

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán hàng	01	26	7.929.383.128.819	8.182.925.335.631
Giá vốn hàng bán	11	27	6.920.070.149.562	6.904.567.813.675
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		1.009.312.979.257	1.278.357.521.956
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	286.815.236.538	310.366.539.655
Chi phí tài chính	22	29	6.632.011.758	(14.687.061.772)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.803.369.736	12.244.164.427
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	80.938.315.202	75.226.267.402
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		1.208.557.888.835	1.528.184.855.981
Thu nhập khác	31		3.305.646.486	3.848.553.480
Chi phí khác	32		1.215.574.971	2.507.915.585
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		2.090.071.515	1.340.637.895
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.210.647.960.350	1.529.525.493.876
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	199.854.253.905	268.658.022.239
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	32	(242.438.042)	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.011.036.144.487	1.260.867.471.637
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	3.153	3.933

Ngày 22 tháng 2 năm 2021

Người lập:

Đinh Thị Diễm Quỳnh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Lê Thế Sơn
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Dũng
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	1.210.647.960.350	1.529.525.493.876
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	37.530.818.328	35.453.500.280
Các khoản dự phòng	03	(9.088.694.082)	(36.881.340.637)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(286.815.236.538)	(310.996.521.473)
Chi phí lãi vay	06	2.803.369.736	12.244.164.427
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	955.078.217.794	1.229.345.296.473
Biến động các khoản phải thu	09	444.274.337.714	(325.670.712.230)
Biến động hàng tồn kho	10	(32.582.186.324)	(400.432.077.088)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(209.383.791.738)	166.305.516.973
Biến động chi phí trả trước	12	(8.903.284.894)	(4.505.762.828)
		1.148.483.292.552	665.042.261.300
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.913.923.714)	(17.410.750.617)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(182.258.099.186)	(281.316.537.074)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(59.522.573.642)	(99.184.901.990)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	903.788.696.010	267.130.071.619



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(50.006.587.776)	(34.830.129.558)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	629.981.818
Tiền chi cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay	23	(2.000.000.000.000)	(1.960.000.000.000)
Tiền thu hồi từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay	24	1.580.000.000.000	2.615.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay và cổ tức	27	334.539.627.731	248.475.883.622
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(135.466.960.045)	869.275.735.882
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	2.105.766.198.169	570.826.074.548
Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.232.319.848.977)	(974.697.423.740)
Tiền trả cổ tức	36	(608.995.858.891)	(635.309.258.775)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(735.549.509.699)	(1.039.180.607.967)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	32.772.226.266	97.225.199.534
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	240.627.598.805	143.402.399.271
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 5)	70	273.399.825.071	240.627.598.805

Ngày 22 tháng 2 năm 2021

Người lập:

Đinh Thị Diễm Quỳnh
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Lê Thế Sơn
 Kế toán trưởng



Mu Văn Dũng
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Nhiệt Điện Phả Lại thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”) từ ngày 25 tháng 1 năm 2006. Khoản vốn góp của Tập đoàn Điện lực Việt Nam vào Công ty đã được bàn giao cho Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên vào ngày 26 tháng 4 năm 2013 theo Quyết định số 3024/QĐ-BCT ngày 1 tháng 6 năm 2012 của Bộ Công Thương về việc thành lập Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên.

Ngày 26 tháng 1 năm 2007, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo thông báo ngày 17 tháng 1 năm 2007 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, với mã chứng khoán là PPC.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 1 công ty liên kết (1/1/2020: 1 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 6(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 854 nhân viên (1/1/2020: 1.054 nhân viên).

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho các đơn vị trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 1425/EVN-TCKT ngày 22 tháng 3 năm 2019 (được gọi chung là “Chế độ Kế toán EVN”). Những khác biệt giữa Chế độ kế toán EVN so với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được trình bày trong Thuyết minh 3(h)(ii).

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chúng khoản tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

12-06
HÁN
TY TN
MG
HỒ CH

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, ngoại trừ nguyên vật liệu là than dùng cho đốt lò máy phát điện được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Xây dựng cơ bản hoàn thành được ghi tăng tài sản cố định tại thời điểm căn cứ theo biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng. Đối với các tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng hoàn thành trong năm nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao nếu tập hợp đủ chi phí vào giá thành công trình hoặc giá theo dự toán được duyệt. Khi giá trị công trình được duyệt, nguyên giá tài sản cố định sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán. Theo quy định tại Công văn số 2190/EVN-TCKT ngày 12 tháng 6 năm 2013 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về Hướng dẫn một số điểm chủ yếu của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khi nhận được quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành, nguyên giá tài sản cố định thay đổi, xác định lại mức trích khấu hao của tài sản cố định bằng giá trị quyết toán của tài sản cố định được phê duyệt trừ số đã trích khấu hao tại thời điểm phê duyệt quyết toán chia cho thời gian sử dụng còn lại.



Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 35 năm
▪ máy móc và thiết bị	10 năm
▪ phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 30 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	3 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng cơ bản tại Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ kế toán năm đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

(ii) Sửa chữa lớn tài sản cố định

Theo Chế độ Kế toán EVN, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ dựa trên kế hoạch sửa chữa lớn hàng năm và được điều chỉnh vào cuối năm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh. Các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được theo dõi trên sổ dư tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” đồng thời với tài khoản “Chi phí phải trả ngắn hạn” trên bảng cân đối kế toán. Khi quyết toán các công trình sửa chữa lớn, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục trên. Hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN có sự khác biệt so với quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – *Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng* (“VAS 18”) mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi doanh nghiệp có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới do kết quả của một sự kiện trong quá khứ có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

Nếu Công ty ghi nhận chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định theo hướng dẫn của VAS 18 thì các tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” và “Chi phí phải trả” trên Bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 sẽ cùng giảm một số tiền là 45.747.992.758 VND (Thuyết minh 14 và Thuyết minh 17).

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Chi phí khôi phục hiện trường

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ hoàn nguyên môi trường khi kết thúc Hợp đồng thuê đất. Do tính chất dài hạn của nghĩa vụ này, yếu tố không chắc chắn trọng yếu nhất trong việc ước tính khoản dự phòng này là các chi phí sẽ phát sinh trong tương lai. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, các công việc yêu cầu đối với việc hoàn nguyên môi trường là không chắc chắn. Do đó, Công ty chưa ước tính và ghi nhận khoản dự phòng hoàn nguyên môi trường.

(l) *Vốn cổ phần*

(i) *Cổ phiếu phổ thông*

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) *Thặng dư vốn cổ phần*

Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(iii) *Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)*

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa thu từ phát hành và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(m) *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(n) *Thuế*

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng. Do đó, yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.



Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh điện.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền mặt	2.623.485	46.809.153
Tiền gửi ngân hàng	23.397.201.586	10.580.789.652
Các khoản tương đương tiền	250.000.000.000	230.000.000.000
	273.399.825.071	240.627.598.805

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất năm từ 3% đến 5% (1/1/2020: 4,3% - 5%)



Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên ba tháng đến một năm	1.515.000.000.000	1.060.000.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các khoản tiền gửi có kỳ hạn này hưởng lãi suất năm từ 3,3% đến 7% (1/1/2020: 5,5% đến 7%).

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	31/12/2020 Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết</i>	129.850.000	25,97%	25,97%	1.451.055.770.150	-	2.467.150.000.000
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hai Phòng (i)						
<i>Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác</i>	73.587.291	16,35%	16,35%	817.295.117.400	(7.319.805.363)	809.975.312.037
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	7.080.000	19,30%	19,30%	70.800.000.000	(14.584.800.000)	56.215.200.000
• Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	9.002.937	15,00%	15,00%	50.250.000.000	-	116.137.887.300
• Công ty Cổ phần Thủy điện Bùn Đôn	10.876.594	10,61%	10,61%	100.000.000.000	-	159.342.102.100
• Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	670.000	1,00%	1,00%	46.498.000.000	(36.749.500.000)	9.748.500.000
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa						
				1.084.843.117.400	(58.654.105.363)	1.151.419.001.437
				2.535.898.887.550	(58.654.105.363)	3.618.569.001.437

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	1/1/2020 Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết						
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (i)	129.850.000	25,97%	25,97%	1.451.055.770.150	-	1.752.975.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác						
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quang Ninh	73.587.291	16,35%	16,35%	817.295.117.400	-	838.895.117.400
• Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	7.080.000	19,30%	19,30%	70.800.000.000	(16.587.428.571)	54.212.571.429
• Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	7.939.098	15,00%	15,00%	50.250.000.000	-	136.552.485.600
• Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	11.311.657	10,61%	10,61%	100.000.000.000	-	175.330.683.500
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	670.000	1,00%	1,00%	46.498.000.000	(38.257.000.000)	8.241.000.000
				1.084.843.117.400	(54.844.428.571)	1.213.231.857.929
				2.535.898.887.550	(54.844.428.571)	2.966.206.857.929

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0203000279 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 17 tháng 9 năm 2002. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng là sản xuất, truyền tải và phân phối điện (nhiệt điện). Trụ sở chính của Công ty đặt tại Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Biến động dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2020	2019
	VND	VND
Số dư đầu năm	54.844.428.571	87.402.086.980
Trích lập dự phòng trong năm	7.319.805.363	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(3.510.128.571)	(32.557.658.409)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	58.654.105.363	54.844.428.571



Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.456.312.782.853	1.918.308.650.375
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt (i)	3.021.304.520	17.373.269.593
Dự thu lãi tiền gửi và đầu tư (ii)	20.359.506.849	23.178.575.342
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (ii)	32.462.500.000	64.925.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam (ii)	-	12.442.822.700
Các khách hàng khác	4.060.251.933	8.596.983.562
	1.516.216.346.155	2.044.825.301.572

- (i) Khoản phải thu này liên quan đến khoản lãi ủy thác đầu tư của Công ty theo Hợp đồng Ủy thác quản lý danh mục đầu tư số 05/2007/BVFM-C-UTĐT/PLPC ngày 18 tháng 9 năm 2007 được ký kết với Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt và các biên bản và phụ lục hợp đồng từ năm 2007 đến năm 2014. Khoản lãi ủy thác đầu tư này đã được trích lập dự phòng 100% như được trình bày tại Thuyết minh 10.
- (ii) Các khoản phải thu này liên quan đến dự thu lãi tiền gửi và đầu tư được ghi nhận vào tài khoản phải thu của khách hàng theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN.

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.456.312.782.853	1.918.308.650.375
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	32.462.500.000	64.925.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	-	12.442.822.700
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	-	2.737.620.000

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí	8.843.685.200	-
Nhà cung cấp khác	-	289.630.613
	8.843.685.200	289.630.613

9. Phải thu về cho vay

(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

	1/1/2020	Biến động trong năm		31/12/2020
	VND	Tăng	Thu hồi	VND
		VND	VND	
Các khoản cho vay dài hạn đến hạn phải thu	223.166.866.953	35.000.000.000	(35.000.000.000)	223.166.866.953
	223.166.866.953	35.000.000.000	(35.000.000.000)	223.166.866.953

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Các khoản cho vay dài hạn	363.166.866.953	398.166.866.953
Khoản đến hạn thu hồi trong vòng 12 tháng	(223.166.866.953)	(223.166.866.953)
	140.000.000.000	175.000.000.000

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản cho vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
• Khoản cho vay phải thu từ Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên, công ty mẹ	VND	6,8%	2021	188.166.866.953	188.166.866.953
• Khoản cho vay phải thu từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam, công ty mẹ cấp cao nhất	VND	8,5%	2025	175.000.000.000	210.000.000.000
				363.166.866.953	398.166.866.953
Khoản đến hạn thu hồi trong vòng 12 tháng				(223.166.866.953)	(223.166.866.953)
Khoản đến hạn thu hồi sau 12 tháng				140.000.000.000	175.000.000.000

Các khoản phải thu về cho vay dài hạn này không có đảm bảo.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2020			1/1/2020				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH Quản lý Quý Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt	>3 năm	3.021.304.520	(3.021.304.520)	-	>3 năm	17.373.269.593	(17.373.269.593)	-
Phải thu khác	>3 năm	150.190.114	(150.190.114)	-	>3 năm	826.373.153	(826.373.153)	-
		3.171.494.634	(3.171.494.634)	-		18.199.642.746	(18.199.642.746)	-

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	2020	2019
	VND	VND
Số dư đầu năm	18.199.642.746	18.199.642.747
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(14.689.372.269)	(1)
Sử dụng dự phòng trong năm	(338.775.843)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	3.171.494.634	18.199.642.746

11. Hàng tồn kho

(a) Hàng tồn kho

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Vật tư và nhiên liệu	789.717.907.976	(93.802.729.794)	749.564.423.936	(93.997.299.177)
Công cụ và dụng cụ	2.403.424.620	(1.393.120.817)	2.781.431.175	(1.595.120.378)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	34.891.854	-	26.889.841	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	792.156.224.450	(95.195.850.611)	752.372.744.952	(95.592.419.555)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2020	2019
	VND	VND
Số dư đầu năm	95.592.419.555	94.641.503.304
Trích lập dự phòng trong năm	-	950.916.251
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(396.568.944)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	95.195.850.611	95.592.419.555



Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ và dụng cụ	197.423.841.978	(173.105.161.040)	204.625.135.152	(170.917.590.701)

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	170.917.590.701	176.192.189.179
Trích lập dự phòng trong năm	2.187.570.339	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(5.274.598.478)
Số dư cuối năm	173.105.161.040	170.917.590.701

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

12. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	1.708.389.461.537	11.575.873.598.504	91.196.901.903	52.155.105.962	2.698.502.740	13.430.313.570.646
Tăng trong năm	-	4.138.559.545	21.840.754.545	952.880.682	183.000.000	27.115.194.772
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	423.102.000	6.410.753.020	2.249.396.091	12.804.757.732	3.241.707.535	25.129.716.378
Số dư cuối năm	1.708.812.563.537	11.586.422.911.069	115.287.052.539	65.912.744.376	6.123.210.275	13.482.558.481.796
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.485.060.273.166	11.552.960.683.383	71.089.744.601	44.732.904.355	2.632.414.638	13.156.476.020.143
Khấu hao trong năm	23.671.150.624	4.987.764.872	4.059.636.409	4.861.764.818	24.709.559	37.605.026.282
Số dư cuối năm	1.508.731.423.790	11.557.948.448.255	75.149.381.010	49.594.669.173	2.657.124.197	13.194.081.046.425
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	223.329.188.371	22.912.915.121	20.107.157.302	7.422.201.607	66.088.102	273.837.550.503
Số dư cuối năm	200.081.139.747	28.474.462.814	40.137.671.529	16.318.075.203	3.466.086.078	288.477.435.371

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 12.718 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2020: 12.666 tỷ VND).

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	57.414.901.632	1.473.654.880	58.888.556.512
Tăng trong năm	-	637.250.000	637.250.000
Số dư cuối kỳ	57.414.901.632	2.110.904.880	59.525.806.512
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	57.414.901.632	1.353.772.438	58.768.674.070
Khấu hao trong năm	-	175.413.992	175.413.992
Số dư cuối năm	57.414.901.632	1.529.186.430	58.944.088.062
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	-	119.882.442	119.882.442
Số dư cuối năm	-	581.718.450	581.718.450

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 58.700 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2020: 58.700 triệu VND).

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	74.790.690.168	54.563.484.662
Tăng trong năm	374.653.730.547	158.250.725.187
Xây dựng cơ bản dở dang	22.254.143.004	13.823.898.877
Công trình sửa chữa lớn tài sản cố định	352.399.587.543	144.426.826.310
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 12)	(25.129.716.378)	(4.042.416.507)
Quyết toán công trình sửa chữa lớn tài sản cố định	(398.147.580.301)	(133.981.103.174)
Số dư cuối năm	26.167.124.036	74.790.690.168

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Chi phí các công trình sửa chữa lớn tài sản cố định đã phát sinh nhưng chưa được quyết toán (Thuyết minh 3(h)(ii))	-	45.747.992.758
Các công trình khác trong giai đoạn xây dựng	26.167.124.036	29.042.697.410
	26.167.124.036	74.790.690.168

15. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam	132.009.361.256	427.595.995.315
Tổng Công ty Đông Bắc – Bộ Quốc Phòng	97.286.903.327	184.892.842.593
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	72.454.131.372	9.191.925.987
Các nhà cung cấp khác	213.174.212.380	112.181.450.372
	514.924.608.335	733.862.214.267

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số phát sinh VND	Số đã nộp/cán trừ VND	31/12/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	4.130.694.481	764.506.058.706	(768.636.753.187)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	62.929.662.775	199.854.253.905	(182.258.099.186)	80.525.817.494
Thuế tài nguyên	10.138.741.515	90.666.537.840	(93.609.324.810)	7.195.954.545
Tiền thuê đất	-	16.816.998.000	(16.816.998.000)	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.391.315.578	6.692.350.042	(7.668.574.581)	415.091.039
Các loại thuế khác	-	16.895.805.026	(16.796.813.839)	98.991.187
	78.590.414.349	1.095.432.003.519	(1.085.786.563.603)	88.235.854.265

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định (i)	-	45.747.992.758
Chi phí lãi vay	-	110.553.978
Chi phí khác	5.688.788.408	4.530.448.878
	<hr/>	<hr/>
	5.688.788.408	50.388.995.614

- (i) Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020, số dư này phản ánh chi phí của các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh thực tế trong năm nhưng chưa được quyết toán tại thời điểm cuối năm (Thuyết minh 3(h)(ii) và Thuyết minh 14).

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Cố tức phải trả	57.508.048.035	233.676.284.026
Phải trả khác	599.982.673	608.604.743
	<hr/>	<hr/>
	58.108.030.708	234.284.888.769



Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay ngắn hạn

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ 1/1/2020 VND	Biến động trong năm		Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ 31/12/2020 VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngân hàng ngắn hạn	126.553.650.808	2.105.766.198.169	(2.232.319.848.977)	-

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	5.260.906.764	24.342.217.679
Trích lập trong năm (Thuyết minh 21)	59.125.704.125	80.336.581.200
Sử dụng trong năm	(59.522.573.642)	(99.184.901.990)
Chi phí khấu hao được phân bổ trong năm	(249.621.946)	(232.990.125)
Số dư cuối năm	4.614.415.301	5.260.906.764

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phá Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	3.262.350.000.000	11.692.500.615	183.512.737.201	(87.388.368.719)	717.175.109.176	1.562.623.319.416	5.649.965.297.689
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	1.260.867.471.637	1.260.867.471.637
Tài sản hình thành từ các quỹ (Thuyết minh 24)	-	-	18.027.708.375	-	(18.027.708.375)	-	-
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	96.661.027.126	(96.661.027.126)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	-	-	(80.336.581.200)	(80.336.581.200)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	-	(865.655.245.800)	(865.655.245.800)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	3.262.350.000.000	11.692.500.615	201.540.445.576	(87.388.368.719)	795.808.427.927	1.780.837.936.927	5.964.840.942.326
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	1.011.036.144.487	1.011.036.144.487
Tài sản hình thành từ các quỹ (Thuyết minh 24)	-	-	39.848.552.411	-	(39.848.552.411)	-	-
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	154.589.950.991	(154.589.950.991)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	-	-	(59.125.704.125)	(59.125.704.125)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	-	(432.827.622.900)	(432.827.622.900)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	3.262.350.000.000	11.692.500.615	241.388.997.987	(87.388.368.719)	910.549.826.507	2.145.330.803.398	6.483.923.759.788

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***22. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2020		1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	326.235.000	3.262.350.000.000	326.235.000	3.262.350.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	5.621.946	87.388.368.719	5.621.946	87.388.368.719
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	320.613.054	3.174.961.631.281	320.613.054	3.174.961.631.281

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày báo cáo như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Số lượng cổ phiếu	Vốn cổ phần VND	%
Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành viên	166.391.896	1.663.918.960.000	51,90%
Công ty TNHH Năng Lượng REE	77.396.260	773.962.600.000	24,14%
Các cổ đông khác	76.824.898	768.248.980.000	23,96%
	320.613.054	3.206.130.540.000	100,00%

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020

	Số lượng cổ phiếu	Vốn cổ phần VND	%
Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành viên	166.391.896	1.663.918.960.000	51,90%
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	77.396.260	773.962.600.000	24,14%
Các cổ đông khác	76.824.898	768.248.980.000	23,96%
	320.613.054	3.206.130.540.000	100,00%

Công ty mẹ, Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành viên, được thành lập tại Việt Nam.

23. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 30 tháng 3 năm 2020, các cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 801.532.635.000 VND (tương đương 2.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2019, trong đó có khoản cổ tức 480.919.581.000 VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2019 (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019: phân phối khoản cổ tức 865.655.245.800 VND (tương đương 2.700 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2018, trong đó có khoản cổ tức 480.919.581.000 VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2018).

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 2 tháng 12 năm 2020, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng khoản cổ tức 112.214.568.900 VND (tương đương 350 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2020 cho các cổ đông.

24. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Biến động quỹ đầu tư phát triển trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	795.808.427.927	717.175.109.176
Trích lập trong năm (Thuyết minh 21)	154.589.950.991	96.661.027.126
Tài sản hình thành từ các quỹ (Thuyết minh 21)	(39.848.552.411)	(18.027.708.375)
Số dư cuối năm	910.549.826.507	795.808.427.927

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***25. Khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán*****Cam kết thuê***

Cam kết thuê chủ yếu đến từ hợp đồng thuê đất với thời hạn 50 năm được ký với Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương. Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê không được hủy ngang như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Trong vòng một năm	13.914.778.000	13.914.778.000
Từ hai đến năm năm	55.659.112.000	55.659.112.000
Sau năm năm	426.719.858.667	440.634.636.667
	496.293.748.667	510.208.526.667

26. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2020 VND	2019 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán điện	7.907.780.191.128	8.165.339.933.220
▪ Doanh thu bán xỉ và phế liệu	21.602.937.691	17.585.402.411
	7.929.383.128.819	8.182.925.335.631

27. Giá vốn hàng bán

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhiên liệu, phụ liệu	5.956.894.996.591	6.117.199.160.235
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	352.399.587.543	144.426.826.310
Chi phí nhân công	226.615.164.132	230.619.610.353
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.791.001.395	(4.323.682.227)
Chi phí bảo trì	167.835.282.784	179.995.935.195
Chi phí khấu hao và phân bổ	33.654.059.187	32.875.695.395
Chi phí điện mua ngoài	43.422.755.286	45.015.589.975
Chi phí thuế, phí và lệ phí	109.891.612.608	125.750.282.524
Chi phí khác	27.565.690.036	33.008.395.915
	6.920.070.149.562	6.904.567.813.675



Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	2020 VND	2019 VND
Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay	84.314.054.915	132.538.596.955
Thu nhập cổ tức	202.501.181.623	177.827.942.700
	286.815.236.538	310.366.539.655

29. Chi phí tài chính

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lãi vay	2.803.369.736	12.244.164.427
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do thanh toán	-	5.275.000.000
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	3.809.676.792	(32.557.658.409)
Chi phí tài chính khác	18.965.230	351.432.210
	6.632.011.758	(14.687.061.772)

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	29.225.769.580	31.475.643.391
Dự phòng phải thu khó đòi	(14.689.372.269)	(1)
Chi phí vật tư quản lý	1.799.927.234	2.928.202.088
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.469.651.595	2.577.804.885
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.732.595.318	7.456.888.083
Chi phí thuế, phí và lệ phí	16.974.537.059	3.769.025.948
Chi phí khác	33.425.206.685	27.018.703.008
	80.938.315.202	75.226.267.402

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí nhiên liệu trong chi phí sản xuất	5.954.895.364.462	6.115.663.497.728
Chi phí nhân công và nhân viên	255.840.933.712	262.095.253.744
Chi phí khấu hao và phân bổ	37.123.710.782	35.453.500.280
Chi phí dịch vụ mua ngoài	106.231.029.846	111.327.505.178
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	352.399.587.543	144.426.826.310
Chi phí thuế, phí và lệ phí	126.866.149.667	129.519.308.472
Chi phí khác	167.651.688.752	181.308.189.365

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	199.963.198.088	267.460.029.949
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(108.944.183)	1.197.992.290
	199.854.253.905	268.658.022.239
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(242.438.042)	-
	199.611.815.863	268.658.022.239

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020	2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.210.647.960.350	1.529.525.493.876
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	242.129.592.070	305.905.098.775
Thu nhập không bị tính thuế	(40.500.236.325)	(35.565.588.540)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	(2.064.058.394)	(3.387.999.042)
Chi phí không được khấu trừ thuế	155.462.695	508.518.756
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(108.944.183)	1.197.992.290
	199.611.815.863	268.658.022.239

CH
 ON
 H.P

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm đầu tính từ năm đầu tiên chính thức chuyển sang công ty cổ phần (từ năm 2006 đến năm 2017) và thuế suất thuế thu nhập thông thường trong những năm tiếp theo. Thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2020	2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế trong năm	1.011.036.144.487	1.260.867.471.637
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
	1.011.036.144.487	1.260.867.471.637
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	1.011.036.144.487	1.260.867.471.637

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty chưa thể ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2020	2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	320.613.054	320.613.054
Cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	320.613.054	320.613.054

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Trả nợ gốc vay	-	530.425.000.000
Chi phí lãi vay	-	11.843.268.747
Thu nhập lãi cho vay	18.501.972.223	52.991.851.388
Thu hồi khoản cho vay	35.000.000.000	535.000.000.000
Mua điện	43.422.755.286	45.015.589.975
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên		
Thu nhập lãi cho vay	12.237.902.610	13.839.673.065
Chia cổ tức	224.629.059.600	449.258.119.200
Mua dịch vụ	194.100.150	-
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng		
Cổ tức được chia	175.297.500.000	162.312.500.000
Các bên liên quan khác		
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Doanh thu bán điện	7.906.056.837.843	8.163.984.581.076
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam		
Cổ tức được chia	5.655.828.500	12.442.822.700
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Buôn Đôn		
Cổ tức được chia	3.969.394.923	2.737.620.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa		
Cổ tức được chia	737.000.000	335.000.000
Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	349.973.269	348.881.898
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế		
Cổ tức được chia	2.124.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh		
Cổ tức được chia	14.717.458.200	-

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
<i>Nhân sự quản lý chủ chốt</i>		
Tổng Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc)		
Tiền lương và thưởng	546.667.000	396.743.300
Thành viên khác trong Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	1.094.833.000	1.129.552.500
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát		
Thù lao	336.000.000	384.000.000
Tiền lương và thưởng của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách	548.914.000	395.116.000

35. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 22 tháng 2 năm 2021

Người lập:



Đinh Thị Diễm Quỳnh
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lê Thế Sơn
 Kế toán trưởng



Vũ Xuân Dũng
 Phó Tổng Giám đốc

